

# ĐỔI MỚI TƯ DUY PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

★ GS, TS NGUYỄN HÙNG HẬU

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** *Đổi mới tư duy phát triển ở Việt Nam hiện nay là quá trình tìm kiếm sự cân bằng lý tưởng về mặt thời gian và tốc độ phát triển, cụ thể là phát triển kinh tế ở tốc độ nào để đảm bảo “nhanh”, tránh tụt hậu và duy trì tốc độ phát triển kinh tế này trong thời gian bao lâu để đảm bảo yếu tố “bền vững” cũng như đảm bảo sự cân bằng hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, con người và bảo vệ tài nguyên môi trường. Tư tưởng này xuyên suốt qua các kỳ Đại hội trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là Đại hội XII và XIII.*

● **Từ khóa:** *Đổi mới, tư duy, phát triển, Việt Nam.*

## 1. Đặt vấn đề

Đổi mới tư duy tức làm mới tư duy, nghĩa là có cách nhìn, cách nghĩ mới tiến bộ phù hợp với tình hình, hoàn cảnh mới; có tác dụng quyết định thay đổi trong hành động, hoạt động của con người. Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng tại Đại hội VI (12-1986) bắt đầu từ đổi mới tư duy. Phải nói rằng, trong bối cảnh đất nước rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế - xã hội lúc đó, đặt ra tình huống “đổi mới hay là chết”; Đảng ta với bản lĩnh và quyết tâm chính trị cao, chỉ rõ phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật và rút ra kết luận: phải mở đầu công cuộc đổi mới bằng đổi mới tư duy, mà trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, để thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, thay thế mô hình quản lý kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp; từng bước tiếp cận và đi vào kinh tế thị trường; thoát khỏi bao vây, cấm vận, thực hiện mở cửa và hội nhập quốc

tế. Từ đó, đổi mới tư duy là chủ trương xuyên suốt trong các kỳ Đại hội, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, với nội dung ngày càng mở rộng hơn, phong phú hơn, từ kinh tế sang văn hóa, đối ngoại, an ninh, quốc phòng; từ lý luận sang tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đại hội XII và XIII, Đảng ta chủ trương tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, trong đó đổi mới tư duy về sự phát triển đóng vai trò cực kỳ quan trọng, xuyên suốt trong các văn kiện.

## 2. Nội dung

Sau mỗi kỳ Đại hội, Đảng ta lại có cách nhìn, cách nghĩ mới về sự phát triển, tiến bộ phù hợp với tình hình, hoàn cảnh mới; có tác dụng quyết định thay đổi trong hành động, hoạt động của con người. Vậy, quá trình đổi mới tư duy phát triển diễn ra như thế nào? Trước đó, thời bao cấp, cá biệt có người cho rằng, phát triển chỉ là sự tăng lên về lượng, như là một quá trình tiến lên liên tục, không có những bước quanh co phức tạp. Điều này không đúng với tinh thần

biện chứng, phát triển là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Vận động có vận động đi xuống, đi lên, đi ngang, vòng tròn, thậm chí trong cùng một sự vật, hiện tượng, có mặt, có khía cạnh đi xuống; có mặt, có khía cạnh đi lên. Phát triển là một trường hợp đặc biệt của vận động, vận động theo hướng tiến lên. Đi xuống, đi lên này còn xét trong hệ quy chiếu nào, so sánh với cái gì, bởi vậy, phát triển phải đặt trong mối liên hệ, phát triển và liên hệ không tách rời nhau, quan hệ mật thiết với nhau. Phát triển là một phạm trù quan trọng của phép biện chứng. Ph.Ăngghen đã định nghĩa: “Những phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy”<sup>1</sup>. Là một nhà biện chứng vĩ đại, Ph.Ăngghen cho rằng “Trong giới tự nhiên, không có cái gì xảy ra một cách đơn độc cả; hiện tượng này tác động đến hiện tượng khác và ngược lại”<sup>2</sup>; bởi vậy “chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta”<sup>3</sup>. Trong thời kỳ đổi mới đặc biệt là hiện nay, chúng ta thấy quan điểm này hoàn toàn chính xác, bởi lẽ con người - tự nhiên là một hệ thống cân bằng động, các yếu tố của nó tác động qua lại lẫn nhau, con người tác động lên tự nhiên, ngược lại, tự nhiên cũng tác động lên con người. Nhưng chiều thứ hai, do chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt, nên con người thường “không lường trước được” và đôi khi nó lại phá hủy tất cả những kết quả ban đầu mà con người đã đạt được. Trong lịch sử cũng vậy, sự vật, hiện tượng phát triển theo chiều hướng này, thì chiều hướng khác co lại, thậm chí teo đi. Sự phát triển của tư duy con người cũng không nằm ngoài quy luật

đó. Theo Ph.Ăngghen, tư duy của người cổ đại, đặc biệt là ở thời kỳ Hy Lạp - La Mã, là biện chứng mang tính tự phát, mộc mạc, đơn giản, nhưng về cơ bản là đúng. Họ xem xét sự vật, hiện tượng trong sự vận động, phát triển, biến đổi không ngừng, trong sự liên hệ, ràng buộc, tác động qua lại lẫn nhau; không có cái gì đứng yên, tồn tại độc lập tuyệt đối. Như vậy, họ đã nhìn ra cái tổng thể, nhìn ra khu rừng, nhưng còn xa xa, hơi mờ. Nhưng đến thế kỷ XVII-XVIII, cơ học phát triển mạnh, tư duy phân tích mổ xẻ chiếm thế chủ đạo, người ta đi nghiên cứu từng cây một, nhìn tường tận từng cây một rất rõ, nhưng họ lại quên khu rừng, thế là họ rơi vào siêu hình, máy móc. Ph.Ăngghen cho rằng, “Nếu về chi tiết, chủ nghĩa siêu hình là đúng hơn so với những người Hy Lạp, thì về toàn thể những người Hy Lạp lại đúng hơn so với chủ nghĩa siêu hình”<sup>4</sup>. Hay chúng ta thấy trí tuệ của con người càng phát triển thì những tinh tế của các giác quan trong quá trình tiến hóa lại teo dần đi. Cho nên trong tác phẩm *Lút-vích Phoiơbắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, Ph.Ăngghen viết: “lịch sử của loài người không những có một nhánh đi lên mà còn có một nhánh đi xuống nữa”<sup>5</sup>. Như vậy, rõ ràng, tiến ở phía này, nhưng lại lùi ở phía khác, theo âm dương, thì lùi ở chỗ này, lại lồm ở chỗ khác. Con người cũng vậy, mạnh ở mặt này thì yếu ở mặt khác, “Nhân vô thập toàn”. Biện chứng của giới tự nhiên, của cuộc sống là như vậy.

Đổi mới tư duy phát triển ở Việt Nam hiện nay là phải có cách nhìn, cách suy nghĩ mới, tiến bộ về sự phát triển, phù hợp với thực tiễn hiện nay ở Việt Nam; có tác dụng quyết định trong hành động, hoạt động cải tạo, biến đổi hiện thực của con người. Vậy, đổi mới tư duy phát triển ở Việt Nam hiện nay bao gồm những nội dung gì? Cái gì là cơ bản, quan trọng nhất?

*Nội dung cơ bản của đổi mới tư duy phát triển ở Việt Nam là phát triển nhanh, bền vững.* Phát triển không chỉ nhanh, bền vững, mà ở Việt Nam hiện nay còn phát triển một cách sáng tạo, phát triển tổng thể, đồng bộ, bao trùm, hài hòa, phát triển theo chiều sâu. Phát triển bao trùm là không để ai bị bỏ lại phía sau, đây cũng là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững. Từ Đại hội XII chúng ta còn chủ trương phát triển theo chiều sâu. Tư duy này khác về chất so với tư duy phát triển theo chiều rộng. Tư duy phát triển theo chiều sâu đặt trên nền tảng cốt lõi là phát triển trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát huy cao vai trò chủ thể của nhân tố con người, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao trong tất cả các lĩnh vực; chứ không phải chủ yếu là khai thác thiên nhiên. Theo nghĩa nào đó thì đây cũng là một dạng của phát triển bền vững. Do đó, trong những cái chỉ ra ở trên thì phát triển nhanh, bền vững là quan trọng nhất.

Từ trước tới nay, chúng ta đều chủ trương phát triển nhanh, bởi lẽ, nếu không nhanh thì không những không theo kịp người ta, mà còn ngày càng thụt lùi rút lại phía sau. Để sánh vai với các cường quốc năm châu như ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì buộc chúng ta phải phát triển nhanh; điều này có ý nghĩa sống còn đối với một dân tộc như dân tộc Việt Nam. Nhưng nhanh, phải bền vững, nếu không bền vững thì rất có thể nó lại huỷ hoại tất cả những thành tựu từ đầu. Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai. Trước Đại hội VII, chúng ta chưa dùng từ “bền vững”. Đến Đại hội VII (năm 1991) Đảng ta chủ trương tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Đại hội VIII (năm 1996) nhấn mạnh, tăng trưởng kinh tế gắn liền

với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Như vậy, nội dung của tư tưởng phát triển bền vững đã rõ, không chỉ có phát triển kinh tế, mà còn cả văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường. Đại hội IX (năm 2001) và Đại hội X (năm 2006) tiếp tục khẳng định quan điểm phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững. Đại hội XI (năm 2011) nhất quán cho rằng phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Đại hội XII (năm 2016), Đảng ta đã có bước phát triển mới về tư duy, khẳng định, phát triển nhanh, bền vững, phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh; phát triển kinh tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về các Văn kiện Đại hội XII của Đảng, mục II có tiêu đề: “Phát triển nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy (Định hướng thứ nhất trong phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030), Văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ, “Tư duy lý luận của Đảng có bước phát triển. Hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiếp tục được bổ sung, phát triển”<sup>6</sup>. Ngay chủ đề Đại hội XIII đã hai lần nhắc đến từ “phát triển”. Một trong những mục tiêu tổng quát trong nhiệm kỳ 2021-2025 là khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; và khâu đột phá đầu tiên là hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bài học thứ tư mà Văn kiện Đại hội XIII rút ra

là: “tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, bảo đảm hài hòa giữa *kiên định* và *đổi mới, kế thừa và phát triển*; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường; giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế; thực sự coi trọng, phát huy hiệu quả vai trò động lực của con người, văn hóa, của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong phát triển đất nước”<sup>77</sup>. Ở một chỗ khác, Văn kiện cho rằng, phải xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, hiện đại, hội nhập. Rõ ràng thể chế phát triển này nhằm đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững. “Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước ta là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”<sup>78</sup>. Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Một mặt, phát triển kinh tế bao trùm, không bỏ ai lại phía sau; mặt khác, phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, carbon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất. “Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền

vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”<sup>79</sup>. Như vậy, việc đổi mới tư duy về phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam vừa có sự kế thừa nhận thức và xu hướng phát triển chung của nhân loại vừa có sự vận dụng, bổ sung, phát triển phù hợp với thực tiễn, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen đã đưa ra những ví dụ điển hình về phát triển không bền vững, khủng hoảng sinh thái, từ đó dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, chẳng hạn như khi người ta phá rừng để lấy đất trồng trọt ở Mêxôpôtami, Hy Lạp, Tiểu Á và một số nơi khác, họ không nghĩ rằng làm như vậy là đã phá hủy các trung tâm chứa nước, từ đó gây ra các hiện tượng lũ lụt với sức công phá mà họ không thể tưởng tượng nổi. Những người miền núi Italia, khi phá hoại các đám rừng tùng, thì họ không nghĩ rằng làm như vậy là đã phá hoại việc chăn nuôi trên núi cao và lại càng không nghĩ rằng như thế là họ đã làm cho các suối nước trên núi bị khô cạn, và đến mùa mưa thì nước lũ của các khe suối đó lại tuôn xuống càng dữ dội hơn nữa, làm ngập cả đồng bằng. Xuất phát từ đó cũng dễ hiểu, có nhiều nền văn minh, trong đó có thể có nền văn minh Maya bị diệt vong là do những nguyên nhân tương tự, làm mất cân bằng sinh thái, mất cân bằng động giữa con người, xã hội và tự nhiên.

Trong lịch sử, con người có hai cách tiếp cận đối với giới tự nhiên liên hệ mật thiết với nhau, đó là thuận thiên và chế thiên. Phương Đông truyền thống hơi nghiêng về thuận thiên; còn phương Tây thế kỷ XVII-XVIII lại hơi nghiêng

về chế thiên. Theo khuynh hướng thứ hai, con người không thỏa mãn với thể giới, mà quyết tâm, cải tạo, biến đổi thể giới; và con người càng cải tạo, biến đổi nhiều thể giới bao nhiêu thì càng tiến bộ bấy nhiêu. Như vậy, mức độ của sự tiến bộ phụ thuộc vào mức độ của sự chinh phục, cải tạo giới tự nhiên của con người. Nhưng theo hướng này, không cẩn thận sẽ dẫn đến tình trạng cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị phá hủy; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng “con người càng cách xa con vật... bao nhiêu thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức bấy nhiêu; ảnh hưởng của những hậu quả không dự kiến trước, của những lực lượng không kiểm soát được đối với lịch sử đó, lại càng ít đi bấy nhiêu thì kết quả lịch sử lại càng phù hợp một cách chính xác hơn bấy nhiêu với mục đích đã được xác định trước. Tuy nhiên, nếu chúng ta dùng tiêu chuẩn đó để xét lịch sử của loài người, ngay cả lịch sử của những dân tộc phát triển nhất của thời đại hiện nay, thì ở đây chúng ta cũng vẫn còn thấy có một sự chênh lệch rất lớn giữa những mục đích đã định trước và những kết quả đã đạt được, ta vẫn thấy những hậu quả không dự kiến trước còn chiếm ưu thế, những lực lượng chưa kiểm soát được vẫn còn mạnh hơn nhiều so với những lực lượng đi theo những chương trình, kế hoạch đã định trước, và không thể nào khác được, chừng nào hoạt động lịch sử chủ yếu nhất của con người vẫn còn chịu sự tác động mù quáng của những lực lượng chưa kiểm soát được, và chừng nào mục đích mong muốn chỉ được thực hiện trong trường hợp ngoại lệ và cái được thực hiện thường thường lại chính là những kết quả

trái ngược hẳn với mục đích ấy”<sup>10</sup>. Người ta càng chinh phục, cải tạo được giới tự nhiên nhiều bao nhiêu thì người ta lại càng bị giới tự nhiên trả thù nhiều bấy nhiêu, mặc dù sự trả thù này có thể không ngay lập tức, mà theo luật “Đời cha ăn mặc, đời con khát nước”. Ph.Ăngghen viết: “Và những việc đó đã nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút rằng chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên”<sup>11</sup>. Như vậy, quyền hành và sự thống trị của con người đối với tự nhiên không phải là vô hạn, tuyệt đối để đến nỗi làm phá vỡ hệ thống cân bằng động con người - tự nhiên, bởi vì con người chinh phục giới tự nhiên nhưng con người vẫn nằm trong lòng nó, chứ không phải như một kẻ sống bên ngoài giới tự nhiên, không phải như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, bắt dân tộc đó làm nô lệ cho mình.

Do vậy, việc chinh phục, cải tạo, biến đổi giới tự nhiên, theo Ph.Ăngghen, phải ở trong khuôn khổ cân bằng động của hệ thống con người - tự nhiên. Nếu vì tham lam trước mắt mà phá vỡ sự cân bằng động của hệ thống này thì con người sẽ phải trả giá, phải lãnh những hậu quả tai hại khó lường. Có những hậu quả trước mắt mà chúng ta có thể thấy ngay, nhưng cũng có những hậu quả lâu dài mà trải qua hàng nghìn năm mới đánh giá hết được mức độ nguy hại của nó. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng “nếu chúng ta đã phải trải qua hàng nghìn năm lao động mới có thể, trong một chừng mực nào đó, đánh giá trước được những hậu quả tự nhiên xa xôi của những hành động sản xuất của chúng ta, thì chúng ta lại càng phải trải qua nhiều khó khăn hơn nữa, mới có thể hiểu biết được những hậu quả xã hội của những hành động ấy”<sup>12</sup>.

Trong bài *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường... Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển

nhanh, lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Động lực, nguồn lực quan trọng và theo một nghĩa nào đó cũng là giải pháp để phát triển nhanh, bền vững*, theo Văn kiện Đại hội XIII, là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

### 3. Kết luận

Đổi mới tư duy luôn được Đảng ta chú trọng, đặc biệt đổi mới tư duy phát triển. Sau mỗi kỳ Đại hội, Đảng ta lại có cách nhìn, cách suy nghĩ mới, tiến bộ về sự phát triển, phù hợp với thực tiễn của đất nước; có tác dụng quyết định trong hành động, hoạt động cải tạo, biến đổi hiện thực ở Việt Nam. Nội dung trọng tâm của tư duy phát triển hiện nay là phát triển nhanh, bền vững, hài hòa, để đưa đất nước đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao như Đại hội XIII đã nêu ❖

<sup>1, 2, 3, 11</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sdd, tập 20, tr.201, 652, 654, 655.

<sup>4</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tập 5, tr.530.

<sup>5</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tập 6, tr.308.

<sup>6, 7, 8, 9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.74, 28-29, 33-34, 116-117.

34, 116-117.

<sup>10, 12</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Sdd, tập 5, tr.514-515, 580.